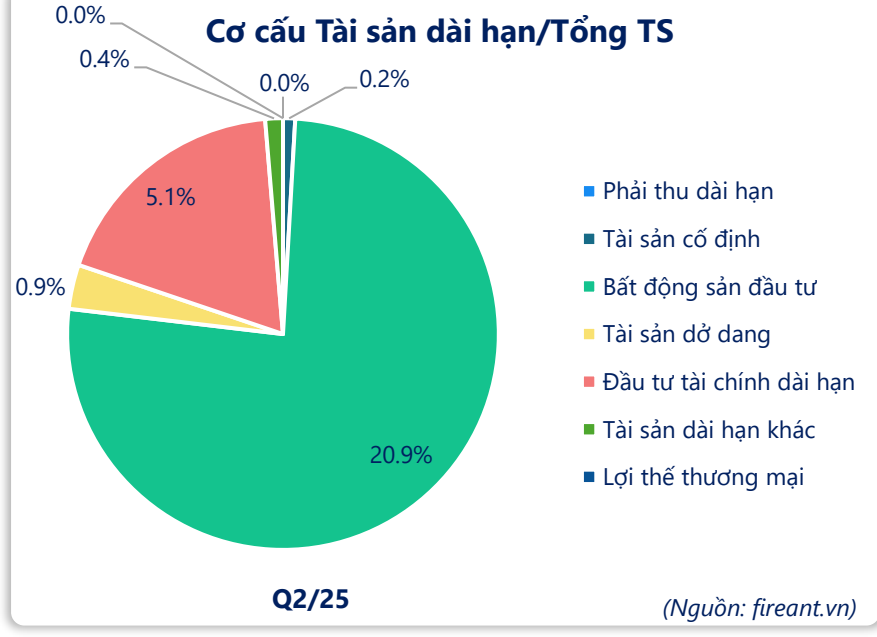
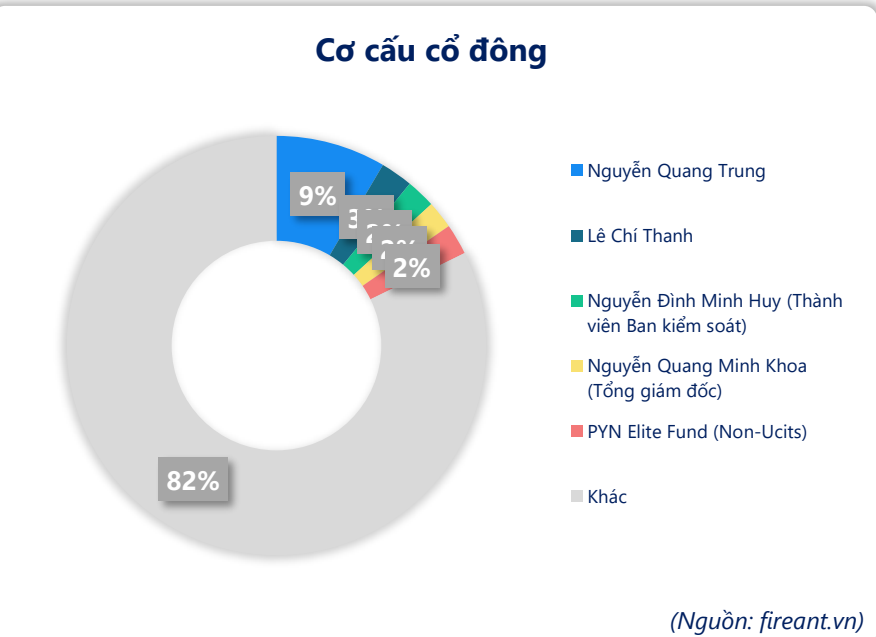
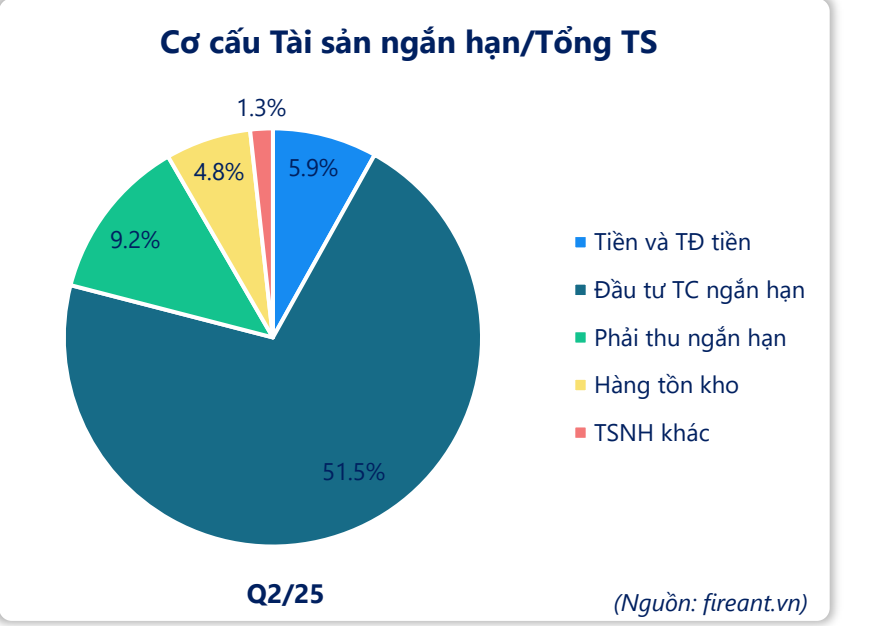
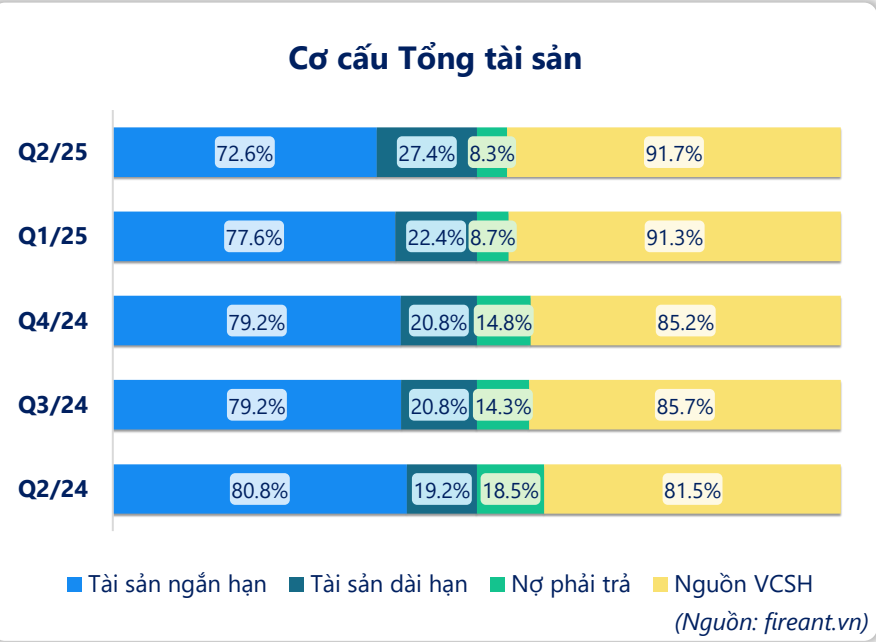
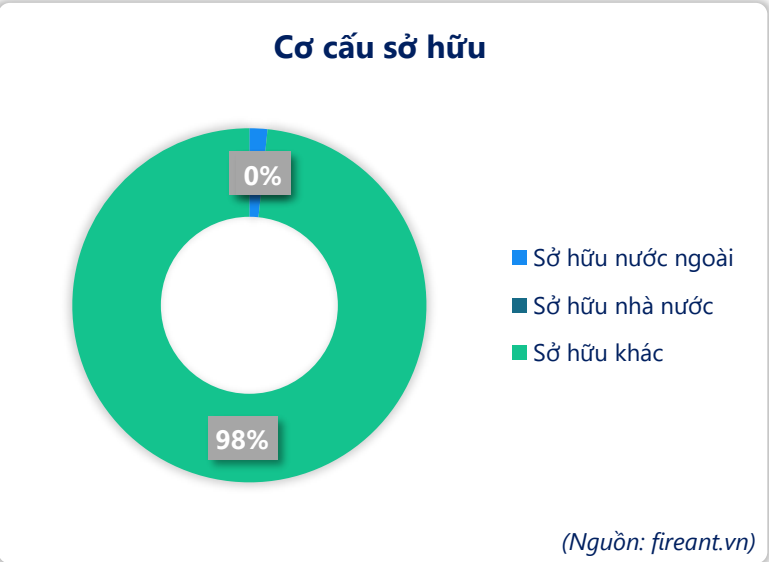
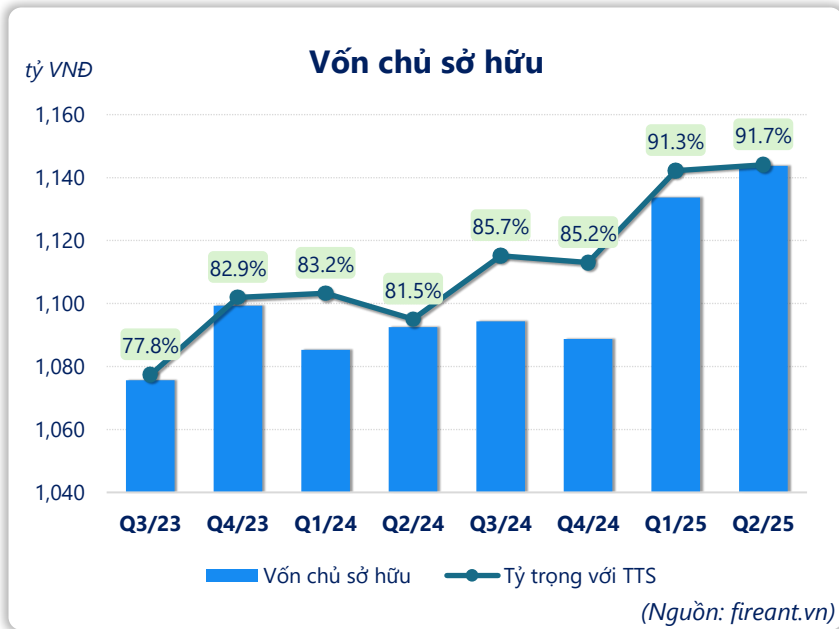
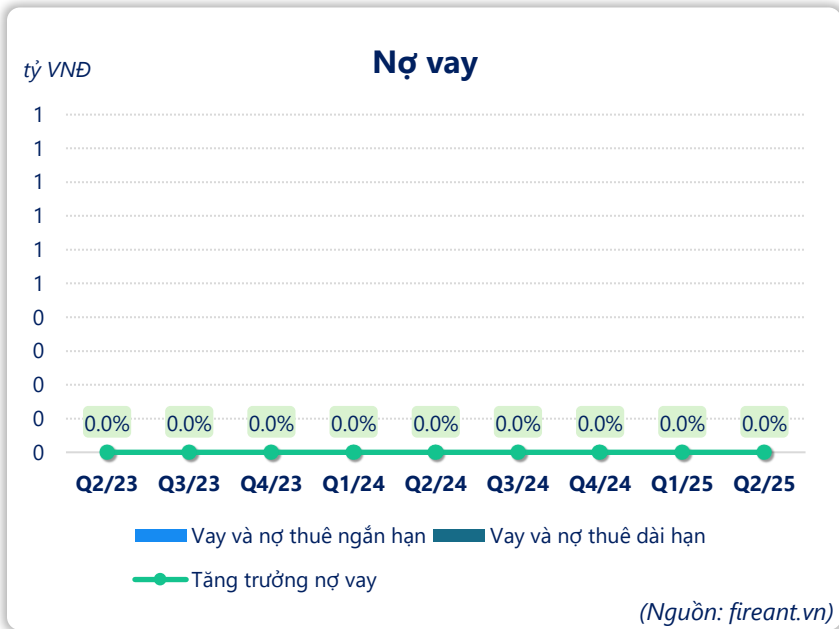
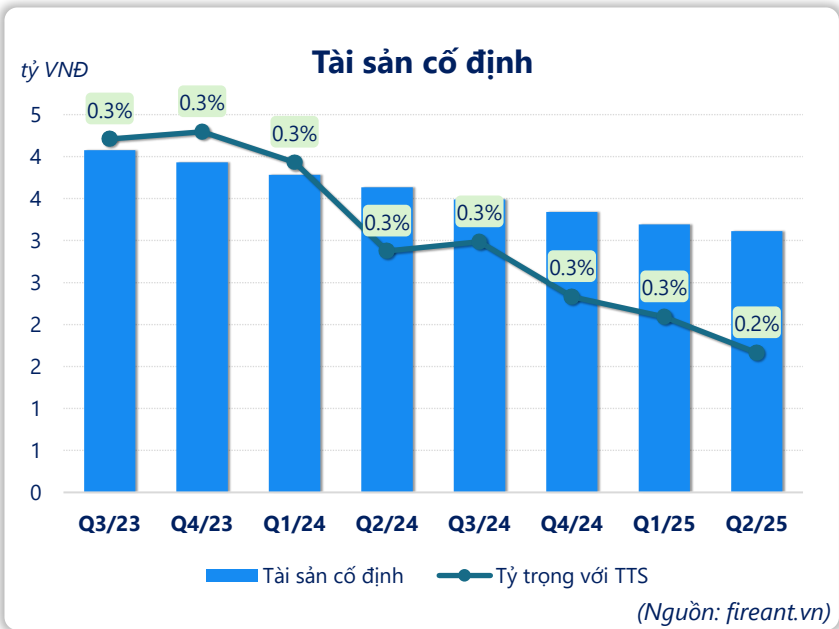
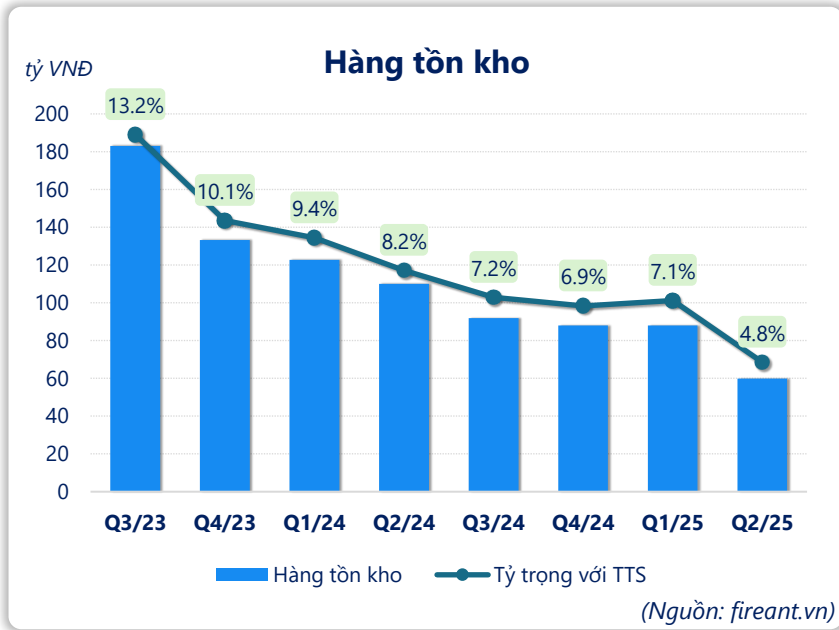
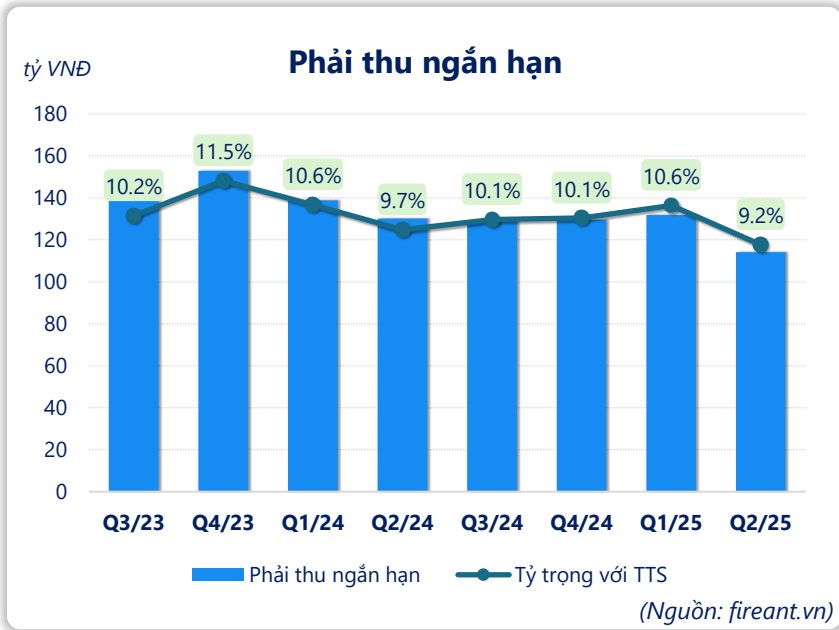
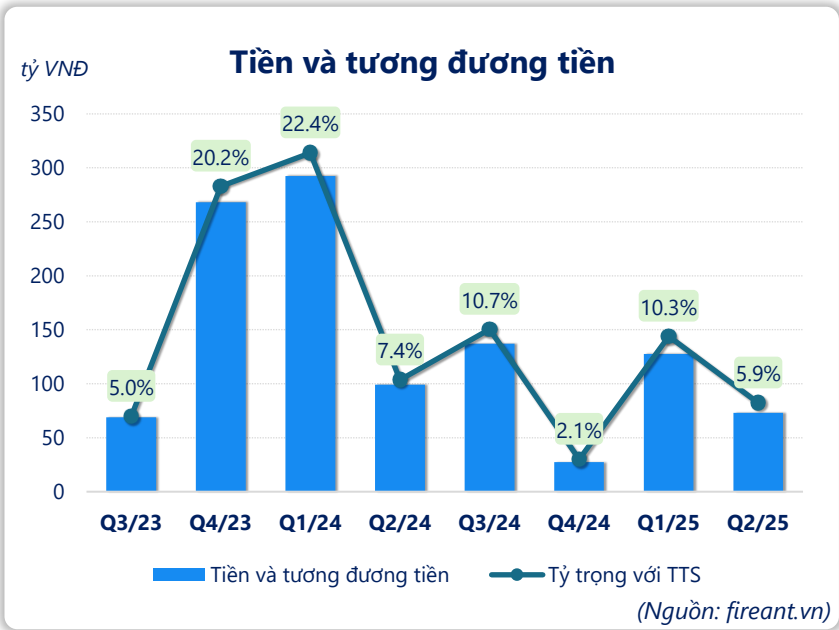
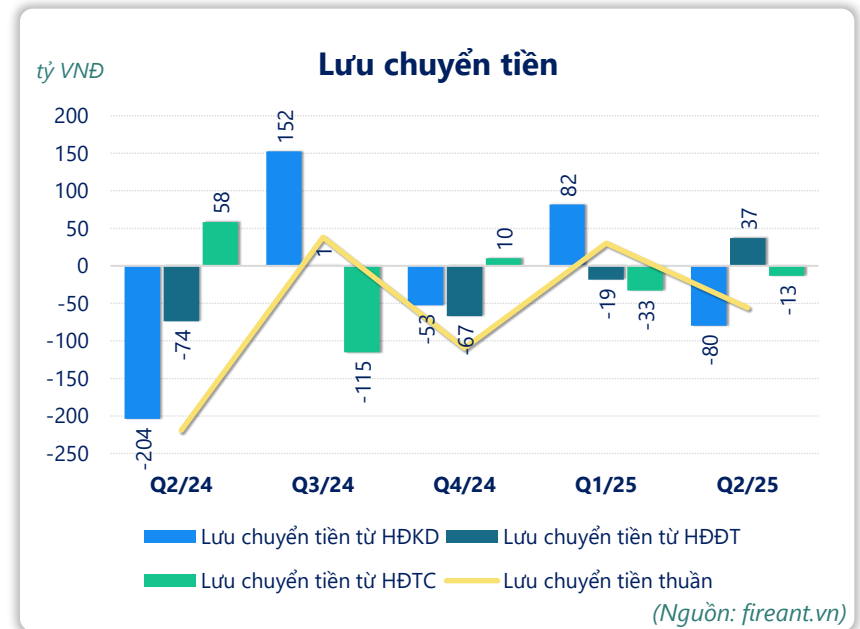
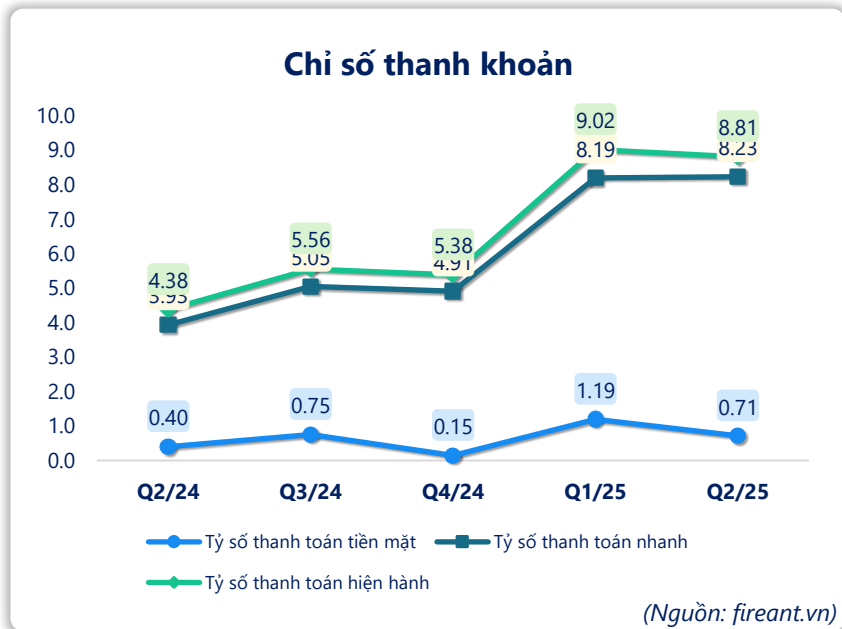
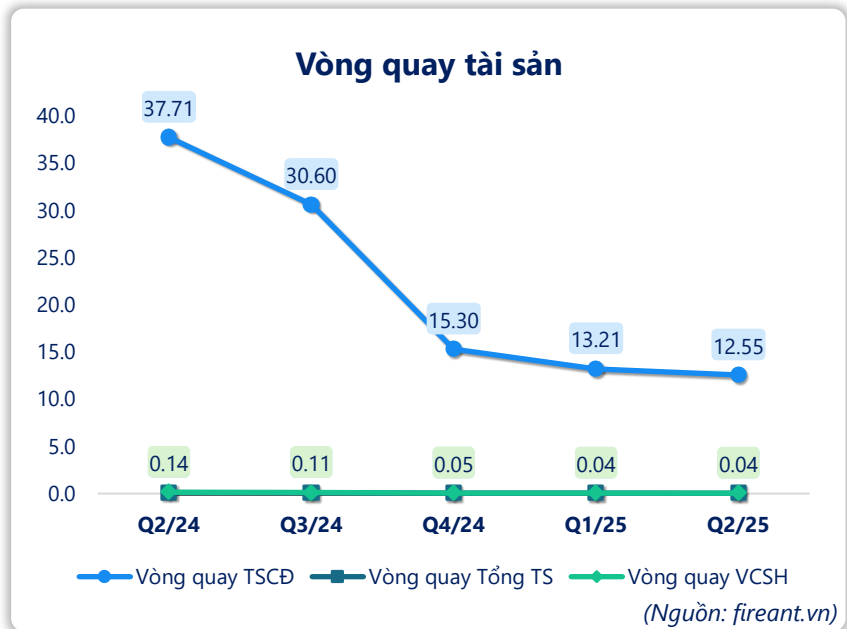
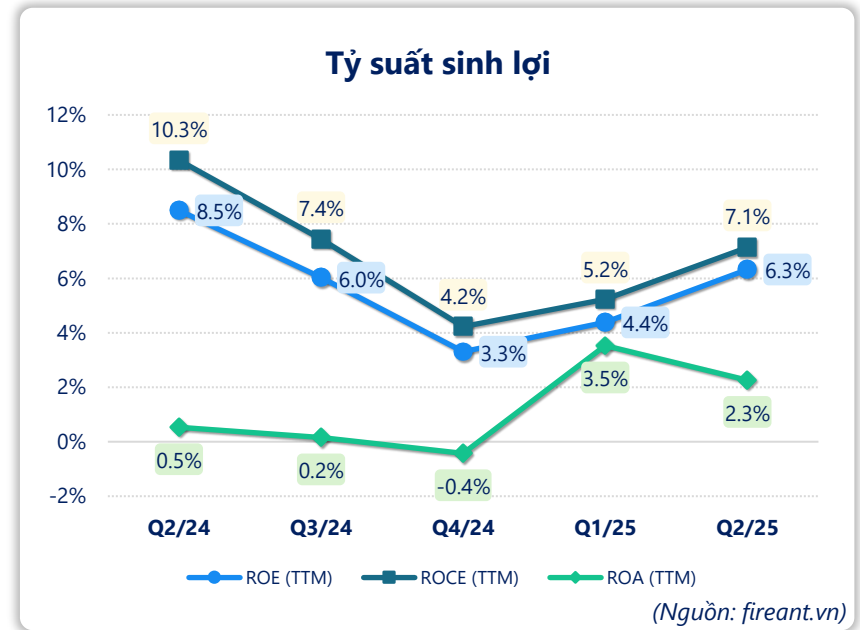
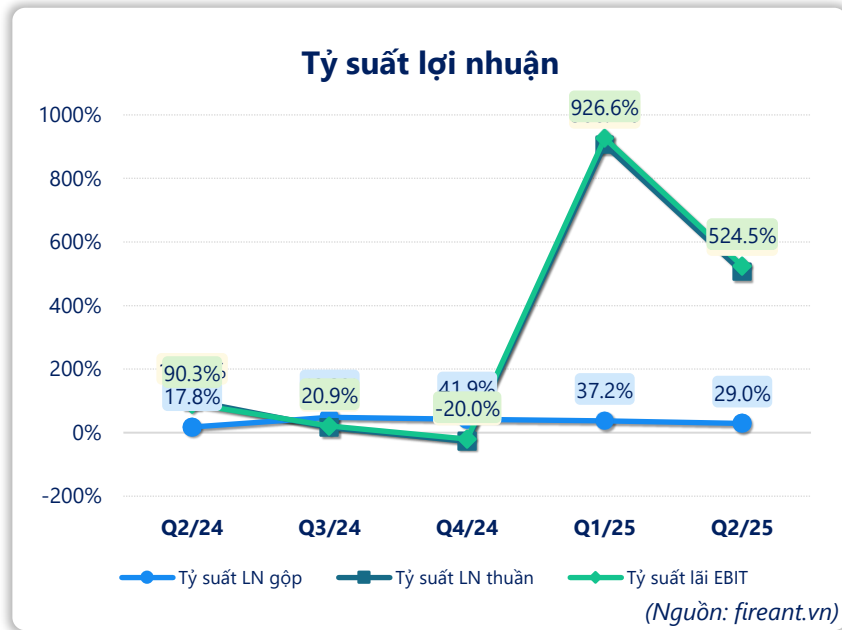
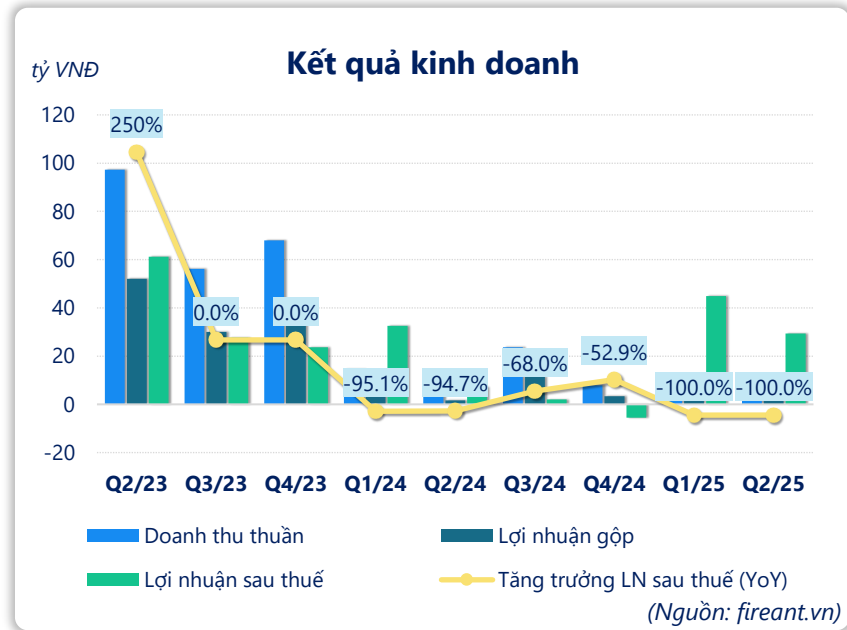


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,937
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,726
SL cổ phiếu LH		71,657,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)		133,935
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		652
P/E		9.2
EPS		987

	YTD	1T	3T	6T
NDN	5.6%	-3.2%	0.1%	3.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,248	1,278	-2.4%
Tài sản ngắn hạn	905	1,011	-10.5%
Tiền và tương đương tiền	73.2	97.4	-24.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	642	680	-5.6%
Phải thu ngắn hạn	114	130	-11.9%
Hàng tồn kho	59.9	87.9	-31.9%
Tài sản ngắn hạn khác	15.8	16.5	-4.2%
Tài sản dài hạn	342	266	28.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.11	3.34	-6.8%
Bất động sản đầu tư	260	192	35.6%
Tài sản dở dang	11.4	11.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	63.3	55.4	14.3%
Tài sản dài hạn khác	4.53	4.38	3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	104	189	-45.1%
Nợ ngắn hạn	103	188	-45.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	46.3	48.0	-3.5%
Nợ dài hạn	1.13	1.34	-16.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,144	1,089	5.0%
Vốn chủ sở hữu	1,144	1,089	5.0%
Vốn điều lệ	717	717	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	9.52	23.7	7.89	4.97	5.81
Giá vốn hàng bán	7.83	12.2	4.59	3.12	4.13
Lợi nhuận gộp	1.69	11.5	3.30	1.85	1.68
Doanh thu HĐTC	43.5	25.8	15.0	18.9	21.7
Chi phí TC	33.3	31.2	12.6	-26.5	-6.75
Chi phí lãi vay	0.89	1.23	1.37	1.13	1.08
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	1.01
Chi phí bán hàng	0.23	0.78	5.32	0.01	0.02
Chi phí QLDN	2.03	1.57	2.47	2.21	1.68
LN thuần từ HĐKD	9.57	3.72	-2.17	45.0	29.4
Lợi nhuận khác	-1.87	0.00	-0.78	-0.12	0.00
LN trước thuế	7.71	3.72	-2.95	44.9	29.4
Lợi nhuận sau thuế	7.20	2.05	-5.57	44.9	29.3
LNST của CĐ cty mẹ	7.20	2.05	-5.57	44.9	29.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-204	152	-52.6	82.0	-79.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-73.7	0.74	-67.2	-18.5	36.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.3	-115	9.97	-33.1	-13.2
Tiền đầu kỳ	286	99.1	137	97.4	128
Lưu chuyển tiền thuần	-219	38.1	-110	30.4	-56.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	99.1	137	27.4	128	71.7

(Nguồn: fireant.vn)